TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS - ST
Ngày: 09/7/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Bạch Hồng Sơn và bà Trần Thị Nhài.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLST - DS ngày 09/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1949, có mặt.
Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.
Bị đơn: Ông Đậu Sỹ T1, sinh năm 1954, vắng mặt.
Bà Đậu Thị C, sinh năm 1957, vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Ngày 01/11/2007 âm lịch tức là ngày 10/12/2007 dương lịch, bà Hồ Thị T cho bà Đậu Thị C và ông Đậu Sỹ T1 vay số tiền 10.000.000 đồng lãi suất 1,5%/tháng. Hai bên lập giấy vay viết bằng tay, do ông T1 viết và ký tên. Đến ngày 1/5/2008 âm lịch bà C trả lãi 6 tháng là 1.000.000 đồng cho bà T. Hai bên thống nhất từ ngày 01/5/2008 âm lịch trở đi lãi 2%/ tháng cho khoản vay trên. Quá trình vay, ông T1 và bà C đã trả cho bà T tiền lãi 2 lần, lần thứ nhất ngày 1/5/2008 âm lịch 1.000.000 đồng, lần thứ hai vào năm 2023 không nhớ thời điểm cụ thể là 10.000.000 đồng, tổng hai lần là 11 triệu. Bà T đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông T1 bà C không trả thêm khoản nợ nào. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T1 bà C trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2007 dương lịch đến 09/7/2024 với lãi suất 1%/ tháng.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu đối với số tiền lãi ngày 01/5/2008 âm lịch ông T1 bà bà C đã trả vượt quá được trừ vào số tiền gốc bà T đồng ý. Số tiền lãi được tính trên số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền lãi vượt quá. Bà T đề nghị giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà C trả nợ cho bà T số tiền gốc theo quy định của pháp luật và số

tiền lãi với mức 1%/tháng. Ông Phan Quý Văn c bà không liên quan đến khoản vay này.

Quá trình xác minh tại Công an phường Q, thị xã H cung cấp: Ông Đậu Sỹ T1, sinh năm 1954 và bà Đậu Thị C, sinh năm 1957 có hộ khẩu thường trú tại khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện nay ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C đang có mặt tại địa phương.

Bị đơn đã được Toà án đã tống đạt các văn bản Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C vẫn không trình bày ý kiến. Toà án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C phải trả nợ cho bà Hồ Thị T số tiền gốc còn lại là 9.600.000 đồng, tiền lãi suất 8.540.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 18.140.000đ (Mười tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về án phí: Cần buộc ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C có nơi cư trú tại phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai. Bị đơn ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Xét hiệu lực của giấy vay tài sản: Nguyên đơn cung cấp giấy vay là bản gốc, viết tay, được bà T trình bày do ông T1 viết và chữ ký trên giấy viết tay là của ông T1, bà C trả lãi cho bà T có viết vào giấy vay tiền. Ông T1, bà C đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và các tài liệu bản sao giấy vay tiền do nguyên đơn cấp, triệu tập làm việc và đã xuống làm việc tại nhà nhưng

ông T1, bà C lẩn tránh, không có ý kiến gì, từ bỏ quyền được trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào giấy vay nợ nguyên đơn cung cấp nhận thấy, tại giấy vay nợ viết tay "ngày 1/11/2007 âm lịch Chị Tri V cho Chú Tình C1 vay tiền 10.000.000 đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng, khi nào cần thì chị báo" có chữ ký của ông Đậu Sỹ T1. Trên cùng giấy vay nợ có ghi "Bà Châu T2 trả tiền lãi bằng cho bà T đến 1/5/2008 âm lịch 6 tháng là 1.000.000 đồng tính từ ngày 01/5/2008 âm lịch tính lãi bằng 2%". Nguyên đơn trình bày ngày 1/11/2007 cho vay là ông T2 viết giấy vay và ký nhận, ngày 1/5/2008 trả lãi 6 tháng là bà C1 trả lãi và viết giấy thỏa thuận từ 1/5/2008 tính lãi bằng 2%/tháng, khoản vay trên là khoản vay chung của ông T2 và bà C1. Xét tại thời điểm vay hai bên đều đủ năng lực, hình thức của giấy vay tiền phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ xác định giấy vay tiền là có hiệu lực pháp luật, hợp đồng vay tài sản trên là vay có lãi, không có kỳ hạn. Ông Phan Quý Văn c bà không liên quan đến khoản vay này.

[3] Xét nội dung về lãi suất: Nội dung giấy vay tiền ghi nhận ngày 01/11/2007 âm lịch tức là 10/12/2007 dương lịch ông T2, bà C1 vay của bà T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng, đến ngày 01/5/2008 âm lịch tức là ngày 04/6/2008 dương lịch bà C1 trả tiền lãi cho bà T, hai bên thống nhất tính lãi lên 2%/ tháng tức 24%/năm, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Nên giấy vay tiền này đang được thực hiện, lãi suất thời điểm thỏa thuận vượt quá 20%/năm theo Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (NQ 01/2019) thì "*Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết*". Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân Hàng N công bố cho vay tương ứng. Theo đó ngày 10/12/2007 lãi có thể thỏa thuận không vượt quá 1,03%/tháng, ngày 04/6/2008 lãi có thể thỏa thuận không vượt quá 1,5%/tháng. Căn cứ vào giấy vay nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận theo giấy vay ngày 10/12/2007 và ngày 04/6/2008 đã vượt quá quy định cho phép. Tuy nhiên, nguyên đơn đã yêu cầu tính lãi từ 10/12/2007 đến 09/7/2024 thẩm lãi suất 1%/tháng, phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi tính lãi lãi từ 10/12/2007 đến 09/7/2024 với lãi suất 1%/tháng.

Xét số tiền lãi đã trả vượt quá: Lần thứ nhất, ông T2, bà C1 đã trả cho bà T số tiền lãi 6 tháng là 1.000.000 đồng cho khoản vay 10.000.000 đồng vào ngày 04/6/2008. Ngày 10/12/2007 đến 04/6/2008 với số tiền lãi bà T đã yêu cầu 1%/tháng thì số tiền lãi cần phải trả tại thời điểm 04/6/2008 là 600.000 đồng, tuy nhiên thực tế ông T2, bà C1 đã trả 1.000.000 đồng vượt quá 400.000 đồng. Căn cứ Điều 9 Nghị Quyết 01/2019 "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất.....cao hơn mức lãi suất .....được pháp luật quy định thì mức lãi suất...vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi*". Thì số nợ gốc còn lại tại thời điểm trả lãi là 04/6/2008 là 10.000.000 đồng - 400.000 đồng = 9.600.000 đồng. Lần thứ hai, ông T2, bà C1 trả lãi cho bà T là 10.000.000 đồng vào năm 2023 đương sự không nhớ thời gian cụ thể trả lãi, nên không có cơ sở tính số tiền lãi đã vượt quá.

[4] Về số tiền phải trả: Nay bà Hồ Thị T yêu cầu ông T2, bà C1 phải trả tiền gốc còn lại là 9.600.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 04/6/2008 dương lịch đến 09/7/2024 là 193 tháng 4 ngày với lãi suất 1% với số gốc 9.600.000 đồng thì tiền lãi là 18.540.000 đồng, trừ đi số tiền lãi 10.0000.000 đã trả còn lại là 8.540.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 18.140.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C là người cao tuổi được miễn án phí nhưng ông T1, bà C không có đơn đề nghị được miễn án phí nên cần buộc bị đơn ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476, 477 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Buộc ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C phải trả nợ cho bà Hồ Thị T số tiền gốc còn nợ là 9.600.000 đồng, tiền lãi suất là 8.540.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 18.140.000đ (Mười tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông T1 và bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C phải chịu 907.000đ (Chín trăm linh bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTX Hoàng Mai;
- Chi cục THADSTX Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn